TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **333**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9- 2023
V/v :"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Ngọc
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên , tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1369/2023/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1983.
HKTT: Xóm 4, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ: Tổ 5, khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu V**, sinh năm 1976.
HKTT: Xóm 4, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ: Tổ 5, khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng bà Trần Thị T trình bày*:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà và ông Nguyễn Hữu V kết hôn năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 12/07/2010. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc. Sau khi sinh con thứ hai sống không hạnh phúc và thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông

bà thường xuyên cãi nhau, thậm chí ông Nguyễn Hữu V còn đánh bà rất nhiều lần, lần nào cũng để lại thương tích. Gần nhất là vào ngày 03/4/2023 ông V đã đánh bà khi bà đang làm bếp với lý do bà không đóng cổng để ông hàng xóm vào kêu ông V dậy, may nhờ con gái tôi can ngăn bà mới chạy thoát ra ngoài được. Ông Nguyễn Hữu V lại mê đánh bài bà khuyên can hoài không được, hai vợ chồng đã cố gắng hoà giải nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và để an tâm làm việc và lo cho các con bà xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu V để giải thoát cho nhau.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 29/7/2011 và cháu Nguyễn Mai V1, sinh ngày 23/10/2014. Ly hôn bà Trần Thị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con. Tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Hữu V cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Trần Thị T khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về Nợ chung**: Bà Trần Thị T cam kết vợ chồng bà không có nợ chung

- **Về án phí**: Bà Trần Thị T xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật

** Theo bản tự khai ngày 13/06/2023 bị đơn ông Nguyễn Hữu V trình bày*:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo bà Trần Thị T trình bày là đúng.

Quá trình chung sống ông Nguyễn Hữu V thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn. Trong cuộc sống có cãi nhau, lúc nóng giận ông có bạt tai bà Trần Thị T nhưng sau đó ông có xin lỗi nhưng bà Trần Thị T không đồng ý vẫn nộp đơn ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn. Ông mong muốn được hoà giải để 02 vợ chồng về đoàn tụ cùng chăm sóc nuôi dạy các con .

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 29/7/2011 và cháu Nguyễn Mai V1, sinh ngày 23/10/2014. Ông không có ý kiến.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu V khai tự thoả thuận.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu V khai không có.

** Theo bản tự khai ngày 13/6/2023 cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 29/07/2011 trình bày*:

Con là con gái của mẹ Trần Thị T và ba Nguyễn Hữu V. Trong quá trình sống chung, cháu thấy ba mẹ không hoà hợp, hay cãi nhau và còn đánh nhau. Con mong muốn ba mẹ hoà hợp với nhau, ba phải sửa đổi tính cách nóng nảy, cháu mong muốn ba không đánh mẹ nữa. Nếu ba mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ Trần Thị T.

** Theo bản tự khai ngày 13/6/2023 cháu Nguyễn Mai V1, sinh ngày 23/10/2014 trình bày*:

Con là con gái của mẹ Trần Thị T và ba Nguyễn Hữu V. Nếu ba mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ Trần Thị T.

Sau khi thụ lý vụ án ông Nguyễn Hữu V có đến Toà làm việc một lần ghi lời khai rồi về. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V, kết quả xác minh địa phương không biết do 02 vợ chồng khi xảy ra tranh chấp không báo cho địa phương. Tòa án đã nhiều lần niêm yết Thông báo, giấy triệu tập ông Nguyễn Hữu V đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải, tham gia phiên toà xét xử nhưng ông Nguyễn Hữu V không đến Tòa án làm việc, hoà giải và xét xử.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông V có hành vi đánh bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T xin ly hôn ông Nguyễn Hữu V, ông V muốn Hoà giải đoàn tụ nhưng không đến Toà án để làm việc và hoà giải khi Toà mời hoà giải. Vì các phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T. Các con bà Trần Thị T, ông Nguyễn Hữu V gồm cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 29/7/2011 và cháu Nguyễn Mai V1, sinh ngày 23/10/2014. Hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ và bà Trần Thị T cũng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, ông Nguyễn Hữu V không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 29/7/2011 và cháu Nguyễn Mai V1, sinh ngày 23/10/2014 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời ông Nguyễn Hữu V không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V khai nợ chung không có. Về tài sản chung bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V khai tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hữu V đầy đủ, ông Nguyễn Hữu V sau khi nộp bản tự khai thì không đến Tòa án làm việc nữa. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa án và Chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tống đạt trực tiếp cho ông Nguyễn Hữu V được và niêm yết: "Giấy triệu tập", "Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải", "Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải", "Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ" tại địa chỉ nơi ông Nguyễn Hữu V cư trú, tại trụ sở UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và trụ sở Tòa án đúng thời hạn luật định nhưng ông Nguyễn Hữu V vẫn không đến Tòa án làm việc. Do ông Nguyễn Hữu V đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt ông Nguyễn Hữu V cũng đã được tiến hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ông Nguyễn Hữu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Hữu V vẫn

vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu V theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị T.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì ông bà lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Qua trình bày của bà Trần Thị T, ông Nguyễn Hữu V và cháu Nguyễn Phương T1 xét thấy cuộc sống chung của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên bà Trần Thị T xin được ly hôn với ông Nguyễn Hữu V. Tại bản tự khai ông Nguyễn Hữu V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, đôi lúc ông có đánh bà, ông mong muốn đoàn tụ nhưng khi Toà tạo cơ hội hoà giải đoàn tụ thì ông Nguyễn Hữu V2 không đến tham dự. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận đã không đạt được. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên yêu cầu của bà Trần Thị T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu V là có cơ sở chấp nhận. Từ lý do trên, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T, cho bà Trần Thị T được ly hôn với và ông Nguyễn Hữu V.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 29/7/2011 và cháu Nguyễn Mai V1, sinh ngày 23/10/2014. Cả 02 cháu có nguyện vọng ở với mẹ và bà Trần Thị T cũng xin được trực tiếp nuôi con, ông Nguyễn Hữu V không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phương T1 và cháu Nguyễn Mai V1 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do bà Trần Thị T không yêu cầu nên ông Nguyễn Hữu V tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V nêu tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hữu V khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn: Bà Trần Thị T phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 1986; áp

dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 119 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu V.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 29/7/2011 và cháu Nguyễn Mai V1, sinh ngày 23/10/2014. Giao cả 02 con cho bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời ông Nguyễn Hữu V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hữu V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0007872, ngày 25/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Hữu V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 12/07/2010);
- Chi cục T.H.A. dân sự thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc